**ĐẠI HỌC QUỐC GIA**

**ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP HỒ CHÍ MINH**

🙞∙∙∙☼∙∙∙🙜



**BÀI TẬP LỚN MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

ĐỀ TÀI:

**DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG**

**THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO TÀY Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LỚP L21--- NHÓM 15 --- HK211**

**NGÀY NỘP ………………**

**Giảng viên hướng dẫn: THS. ĐOÀN VĂN RE**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sinh viên thực hiện** | **Mã số sinh viên** | **Điểm số** |
| Trần Hoàng Chí Thiện | 1915298 |  |
| Từ Hoàng Thiệu | 1915303 |  |
| Nguyễn Văn Thịnh | 1915325 |  |
| Tạ Thị Thơm | 1915366 |  |
| Lê Thanh Thông | 1912147 |  |

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2021**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG

**BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC NHÓM VÀ BẢNG ĐIỂM BTL**

*Môn:* **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC** *(MSMH: SP1035)*

*Nhóm/Lớp*: L21 *Tên nhóm: 15 HK 211 Năm học 2021-2022*

*Đề tài*:

**DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO TÀY Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã số SV** | **Họ** | **Tên** | **Nhiệm vụ được phân công** | **% Điểm**  **BTL** | **Điểm**  **BTL** | **Ký tên** |
| 1 | 1915298 | Trần Hoàng Chí | Thiện | Chương 2 mục 2.3 | 20% |  |  |
| 2 | 1915303 | Từ Hoàng | Thiệu | Chương 2 mục 2.4.2 và 2.5.2 | 20% |  |  |
| 3 | 1915325 | Nguyễn Văn | Thịnh | Chương 1 (tóm tắt) ; Tổng hợp word | 20% |  |  |
| 4 | 1915366 | Tạ Thị | Thơm | Chương 2 mục 2.4.1 , 2.5.1 | 20% |  |  |
| 5 | 1912147 | Lê Thanh | Thông | Chương 2 mục 2.1 , 2.2.Tính cấp thiết | 20% |  |  |

*Họ và tên nhóm trưởng: Nguyễn Văn Thịnh , Số ĐT: 0338404335 Email*: thinh.nguyen.van2001@hcmut.edu.vn

**Nhận xét của GV:** .......................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| GIẢNG VIÊN  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | **NHÓM TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |



**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. PHẦN MỞ ĐẦU**......................................................................................................

**II. PHẦN NỘI DUNG**..................................................................................................

**Chương 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**...........................................................................................................................

**1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc**...............................................

1.1.1. Khái niệm dân tộc...........................................................................

1.1.2. Đặc trưng cơ bản của dân tộc..................................................................

**1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc**.........................................................

1.2.1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc...........................................

1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin..................................................

**Tóm tắt chương 1**………………………………………………………………..

**Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO TÀY Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**…………

**2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam**…………………………………………………….

2.1.1. Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người………………………..

2.1.2. Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau……………………………………..

2.1.3. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng…………………………………………………………………….

2.1.4. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều……………..

2.1.5. Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất……………………………………………..

2.1.6. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá Việt Nam thống nhất…………………………………………….

**2.2. Khái quát về đồng bào Tày**

2.2.1. Nguồn gốc hình thành

2.2.2. Nơi cư trú

2.2.3. Dân số

2.2.4. Văn hóa đặc trưng của người Tày

2.2.5. Đặc điểm sinh hoạt

**2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng thiết yếu**

2.3.1. Chính sách của Đảng và Nhà Nước về cơ sở hạ tầng

2.3.2. Cơ sở hạ tầng

2.3.2.1. Khái niệm

2.3.2.2. Kết cấu cơ sở hạ tầng

Nhóm phải làm rõ được cơ sở hạ tầng là gì thì trong phần thực trạng và giải pháp mới đánh giá được: Điện, đường, trường, trạm y tế,…..Đây là những cơ sở hạ tầng kỹ thuật cần thiết phục vụ cho sản xuất và đời sống con người, nếu không có thì không phát triển được.

2.3.3. Cơ sở hạ tầng thiết yếu

2.3.3.1. Khái niệm

2.3.3.2. Đặc điểm, tính chất

2.3.3.3. Phân loại

2.3.3.4. Vai trò và tầm quan trọng

**2.4. Thực trạng xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian qua**.................

2.4.1. Những mặt đạt được và nguyên nhân

2.4.1.1. Về mặt kinh tế

2.4.1.2. Về xã hội

2.4.1.3. Về môi trường

2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.4.2.1. Về mặt kinh tế

2.4.2.2. Về xã hội

2.4.2.3. Về môi trường

~~2.4.2.4. Ảnh hưởng bởi COVID( bỏ)~~

**2.5. Giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian tới**

2.5.1. Giải pháp tiếp tục phát huy nhựng mặt đạt được

2.5.2. Giải pháp khác phục những hạn chế

**Tóm tắt chương 2**………………………………………………………………

**III. KẾT LUẬN**………………………………………………………………………

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**……………………………………………………….

**I. PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Dân tộc là vấn đề mang tính chất thời sự đối với tất cả các quốc gia trên thế giới. Vấn đề dân tộc luôn mang tính lý luận và tính thực tiễn sâu sắc. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, vấn đề dân tộc đang có những diễn biến phức tạp đối với mỗi quốc gia và cả toàn cầu.

Nhóm chưa khái quát được lý luận chung về vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Đặc trưng nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta là có sự đoàn kết, hòa hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất đã trở thành truyền thống trong sự nghiệp xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc ta. Các dân tộc có ngôn ngữ, đặc trưng văn hóa và trình độ phát triển khác nhau, điều này tạo nên sự phong phú, đa dạng. Nhưng bản thân nó cũng sẽ tạo nên sự phân biệt nếu quan hệ và đời sống vật chất, văn hóa không được giải quyết tốt. Chính vì vậy, giải quyết tốt vấn đề dân tộc là vấn đề cấp thiết luôn được đặt ra với Đảng và Nhà nước ta.

Trong giai đoạn hiện nay, đất nước ta đang bước vào thời kì đổi mới, nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh đòi hỏi chúng ta phải phát huy cao độ khối đại đoàn kết dân tộc. Do vậy, nhận thức đúng đắn vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc thời kỳ đổi mới có tầm quan trọng rất lớn. Đảng và Nhà nước đã có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Việc hoạch định chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta dựa trên những giá trị truyền thống và sự vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Để phát huy hiệu quả chính sách dân tộc thì việc thực hiện chính sách dân tộc thời kỳ đổi mới đối với từng dân tộc, trong đó có dân tộc Tày có ý nghĩa hết sức quan trọng trong sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

Dân tộc Tày là một trong số 54 dân tộc anh em của nước Việt Nam. Dân tộc Tày được biết đến là dân tộc thiểu số được phát hiện sớm nhất ở Việt Nam, họ được cho rằng đã di cư tới từ những hòn đảo ở Đông Nam Á vào 500 năm TCN. Dân tộc Tày còn có những tên gọi khác như : Thổ, Ngạn, Phén, Thu Lao. Dân tộc Tày tuy là dân tộc thiểu số nhưng có số dân đứng thứ hai trong 54 dân tộc anh em chỉ sau dân tộc Kinh với số dân 1845492 được thống kê vào năm 2019 chiếm 1,9182% dân số Việt Nam. Người Tày cư trú ở vùng thung lũng các tỉnh Ðông Bắc, từ Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang đến Lào Cai, Yên Bái. Họ thích sống thành bản làng đông đúc, nhiều bản có tới hàng trăm nóc nhà.

Các số liệu mà nhóm đưa ra chưa chú thích nguồn **( footnote)**

Trong những năm qua, việc thực hiện chính sách dân tộc đối với các dân tộc khác nói chung và dân tộc Tày nói riêng đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc. Trong đó việc cải thiện, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu là yếu tố quan trọng hàng đầu để đảm bảo môi trường sống tốt nhất cho cho đồng bào các dân tộc.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế, đời sống vật chất của con người như : Đường xá, cầu, cống, các công trình công cộng như bệnh viện, trường học,……

Trong thời gian qua việc thực hiện chính sách dân tộc đối với dân tộc Tày đã và đang mang lại nhiều kết quả khả quan đối với đời sống của người dân. Một số mặt đạt được có thể kể đến như: Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được kết quả khả quan. Đời sống của đồng bào dân tộc được cải thiện đáng kể. Đặc biệt, mặt bằng dân trí được nâng cao. Đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc Tày được nâng cao một bước, văn hóa truyền thống được tôn trọng, bảo tồn và phát huy.(các loại hình du lịch, cắm trại ở nhà của người Tày..). Công tác giáo dục có nhiều tiến bộ, 100% phổ cập tiểu học, xóa bỏ mù chữ.Mạng lưới y tế phát triển, hệ thống bệnh viện tỉnh, huyện và trạm y tế xã được quan tâm đầu tư, đồng bào dân tộc được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, người nghèo được khám, chữa bệnh miễn phí và được hưởng chính sách bảo hiểm y tế đúng quy định. Mạng lưới thông tin, văn hóa, thể thao nông thôn có sự phát triển nhanh, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong vùng dân tộc và miền núi có chuyển biến tốt, dịch vụ trợ giúp pháp lý đang tiếp cận với người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn những mặt hạn chế như: Đội ngũ cán bộ y tế vùng dân tộc và miền núi vừa thiếu, vừa yếu về chuyên môn nghiệp vụ, trang thiết bị y tế thiếu và lạc hậu, phần lớn người nghèo không có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng tốt. Bản sắc văn hóa của nhiều dân tộc đang đứng trước nguy cơ mai một. Nguồn lực, chính sách để đảm bảo thực hiện các chính sách còn thấp hơn so với thực tế, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Nhiều khu tái định cư là kết quả của việc di dân không tự nguyện, đồng bào dân tộc Tày buộc phải thích ứng với đời sống hoàn toàn mới , ít nhiều làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế , văn hóa , sinh hoạt của họ. Tình trạng đói nghèo, thiên tai bệnh tật vẫn là một thách thức lớn.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên, nhóm chọn đề tài: “*Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực trạng và giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta hiện nay*” để nghiên cứu.

**2. Đối tượng nghiên cứu**

*Thứ nhất,* dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*Thứ hai,* thực trạng và giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta hiện nay.

**3. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu thực trạng và giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta hiện nay.

**4. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:

*Thứ nhất*, làm rõ lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng bào Tày cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng thiết yếu.

*Thứ hai,* đánh giá thực trạng xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian qua.

*Thứ ba,* đề xuất giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian tới.

**5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu nhất là các phương pháp: [phương pháp thu thập số liệu](https://winerp.vn/phuong-phap-nghien-cuu-khoa-hoc#Phuong_phap_thu_thapso_lieu); [phương pháp phân tích và tổng hợp](https://winerp.vn/phuong-phap-nghien-cuu-khoa-hoc#Phuong_phap_phan_tich_va_tong_thich_hopthuyet); [phương pháp lịch sử](https://winerp.vn/phuong-phap-nghien-cuu-khoa-hoc#Phuong_phap_lich_su) - logic;…

**6. Kết cấu của đề tài**

Ngoài mục lục, phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, đề tài gồm 2 chương:

Chương 1: Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chương 2: Thực trạng và giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta hiện nay.

**II. PHẦN NỘI DUNG**

**Chương 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc**

**1.1.1. Khái niệm dân tộc**

“ *Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Sự biến đổi của phương thức sản xuất chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.* ”[[1]](#footnote-1)

Ở phương Tây, dân tộc xuất hiện khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xác lập thay thế phương thức sản xuất phong kiến. Ở phương Đông, dân tộc được hình thành trên cơ sở một nền văn hóa, một tâm lý dân tộc đã phát triển tương đối chín muồi và một cộng đồng kinh tế tuy đã đạt tới một mức độ nhất định, song nhìn chung còn kém phát triển và ở trạng thái phân tán.[[2]](#footnote-2)

Cho đến ngày nay, dân tộc được hiểu theo hai nghĩa:

Một là theo nghĩa rộng: “ *Dân tộc (Nation) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt qua trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.*”[[3]](#footnote-3). Khi được hiểu theo nghĩa này, dân tộc sẽ được hiểu như một quốc gia hay là toàn bộ nhân dân của một nước, ví dụ như dân tộc Việt Nam, dân tộc Ấn độ v.v..

Hai là theo nghĩa hẹp: “ *Dân tộc (Ethnie) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người của các cộng đồng trước đó* ”[[4]](#footnote-4). Khi được hiểu theo nghĩa này, dân tộc được xem là một bộ phận hay thành phần của một quốc gia. Chẳng hạn như Việt Nam là một quốc gia có 54 dân tộc anh em tức là 54 cộng đồng tộc người, sự khác nhau giữa họ biểu hiện chủ yếu ở các đặc trưng văn hóa, lối sống, tâm lý và ý thức tộc người.

Như vậy, nếu theo nghĩa hẹp, dân tộc là bộ phận của quốc gia, là cộng đồng xã hội theo nghĩa là các tộc người, còn theo nghĩa rộng thì dân tộc là toàn bộ nhân dân một nước, là quốc gia dân tộc. Với nghĩa như vậy, khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia có sự gắn bó chặt chẽ với nhau, dân tộc bao giờ cũng ra đời trong một quốc gia nhất định và thực tiễn lịch sử chứng minh rằng những nhân tố hình thành dân tộc chín muồi thường không tách rời với sự chín muồi của những nhân tố hình thành quốc gia. Đây là những nhân tố bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình phát triển. Điều đó giải thích cho khi nói đến dân tộc Việt Nam thì không thể bỏ qua 54 cộng đồng tộc người, ngược lại khi nói đến 54 cộng đồng tộc người ở Việt Nam phái gắn liền với sự hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam.

**1.1.2. Đặc trưng cơ bản của dân tộc**

Vấn đề một, theo nghĩa rộng thì dân tộc có năm đặc trưng cơ bản sau:

*Thứ nhất*, có chung một vùng lãnh thổ ổn định.

(1) Lãnh thổ là dấu hiệu xác định không gian sinh tồn, vị trí địa lý của một dân tộc, biểu thị vùng đất, vùng trời, vùng biển mà mỗi dân tộc được quyền sở hữu. Lãnh thổ là yếu tố thể hiện chủ quyền của một dân tộc trong tương quan với các quốc gia – dân tộc khác. Trên không gian đó, các cộng đồng tộc người có mối quan hệ gắn bó với nhau, cư trú đan xen với nhau. Vận mệnh của cộng đồng tộc người gắn bó với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia.[[5]](#footnote-5)

(2) Đối với quốc gia và từng thành viên dân tộc, yếu tố lãnh thổ là thiêng liêng nhất. Không có lãnh thổ thì không có khái niệm tổ quốc, quốc gia. Bảo vệ chủ quyền quốc gia là nghĩa vụ và trách nhiệm cao nhất của mỗi thành viên dân tộc. Chủ quyền quốc gia – dân tộc về lãnh thổ là một khái niệm xác định thường được thể chế hóa thành luật pháp quốc gia và luật pháp quốc tế.[[6]](#footnote-6)

(3) Đối với bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay thì khái niệm dân tộc, lãnh thổ, đường biên giới không bị bó hẹp trong biên giới hữu hình mà đã được mở rộng thành đường biên giới “mềm” mà ở đó dấu ấn văn hóa chính là yếu tố để phân định ranh giới giữa các quốc gia - dân tộc. Nguyên nhân gây ra điều này là do quá trình di cư khiến cho cư dân của một quốc gia có thể cư trú ở nhiều quốc gia châu lục khác.

*Thứ hai*, có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế.

Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc, là cơ sở để gắn kết các bộ phận, các thành viên trong dân tộc, tạo nên tính thống nhất, ổn định, bền vững của dân tộc. Mối quan hệ kinh tế là nền tảng cho sự vững chắc của cộng đồng dân tộc. Nếu thiếu tính cộng đồng chặt chẽ, bền vững về kinh tế thì cộng đồng người chưa thể trở thành dân tộc.[[7]](#footnote-7)

*Thứ ba*, có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp.

Mỗi dân tộc khác nhau sẽ có một ngôn ngữ riêng của họ, gồm ngôn ngữ nói và viết, ngôn ngữ này làm công cụ giao tiếp giữa các thành viên trong nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội,… Trong cùng một quốc gia sẽ có nhiều cộng đồng tộc người tồn tại với các ngôn ngữ khác nhau , tuy nhiên sẽ có một ngôn ngữ chung, thống nhất.

*Thứ tư*, có chung một nền văn hóa tâm lý.

(1) Văn hóa dân tộc được biểu hiện thông qua tâm lý, tính cách, phong tục, tập quán, lối sống dân tộc, tạo nên bản sắc riêng của từng dân tộc. Văn hóa là một yếu tố đặc biệt quan trọng của sự liên kết cộng đồng. Mỗi dân tộc có một nền văn hóa độc đáo của dân tộc mình . Trong sinh hoạt cộng đồng, các thành viên của dân tộc thuộc những thành phần xã hội khác nhau tham gia vào sự sáng tạo giá trị văn hóa chung của dân tộc, đồng thời hấp thụ các giá trị văn hóa chung đó.[[8]](#footnote-8)

(2) Các cá nhân hoặc nhóm người nào từ chối những giá trị văn hóa dân tộc thì bản thân họ tự tách mình ra khỏi cộng đồng dân tộc. Nền văn hóa của một dân tộc chỉ có thể phát triển khi giao lưu với văn hóa của các dân tộc khác. Tuy nhiên trong quá trình giao lưu văn hóa , các dân tộc phải luôn có ý thức bảo tổn và phát triển bản sắc của mình, tránh nguy cơ bị đồng hóa về văn hóa. “ *Đồng hóa văn hóa là quá trình trong đó một nhóm thiểu số hoặc văn hóa trở nên giống với một nhóm văn hóa thống trị hoặc đảm nhận các giá trị, hành vi và niềm tin của một nhóm văn hóa khác.*”[[9]](#footnote-9)

*Thứ năm*, có chung một nhà nước ( nhà nước dân tộc ).

Các thành viên cũng như các cộng đồng tộc người trong một dân tộc đều chịu sự quản lý, điều khiển của một nhà nước độc lập. Đây là yếu tố phân biệt dân tộc – quốc gia và dân tộc – tộc người. Dân tộc – tộc người trong một quốc gia không có nhà nước với thể chế chính trị riêng. Hình thức tổ chức, tính chất của nhà nước do chế độ chính trị của dân tộc quyết định. Nhà nước là đặc trưng cho thể chế chính trị của dân tộc, là đại diện cho dân tộc trong quan hệ với các quốc gia dân tộc khác trên thế giới.[[10]](#footnote-10)

Năm đặc trưng cơ bản này gắn bó chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể, đồng thời mỗi đặc trưng có một vị trí xác định. Các đặc trưng đó có mối quan hệ nhân quả, tác động qua lại, kết hợp với nhau một cách chặt chẽ và độc đáo trong hình thành trong lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, tạo nên tính ổn định, bền vững của cộng đồng dân tộc.[[11]](#footnote-11)

Vấn đề hai, theo nghĩa hẹp thì dân tộc có ba đặc trưng cơ bản sau:

*Thứ nhất*, Cộng đồng về ngôn ngữ (bao gồm ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết; hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói). Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau và là vấn đề luôn được các dân tộc coi trọng giữ gìn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển tộc người, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, có những tộc người không còn ngôn ngữ mẹ đẻ mà sử dụng ngôn ngữ khác làm công cụ giao tiếp.[[12]](#footnote-12)

*Thứ hai*, Cộng đồng về văn hóa. Ở mỗi tộc người, văn hóa bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, nó phản ánh lối sống, truyền thống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó. Lịch sử phát triển gắn liền với truyền thống văn hóa của các tộc người. Ngày nay, cùng với xu thế giao lưu văn hóa vẫn song song tồn tại xu thế bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của mỗi tộc người.[[13]](#footnote-13)

*Thứ ba*, Ý thức tự giác tộc người. Đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người. Đặc trưng nổi bật là các tộc người luôn tự ý thức về nguồn gốc, tộc danh của dân tộc mình; đó còn là ý thức khẳng định sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người dù cho có những tác động làm thay đổi địa bàn cư trú, lãnh thổ, hay tác động ảnh hưởng của giao lưu kinh tế, văn hóa… Sự hình thành và phát triển của ý thức tự giác tộc người liên quan trực tiếp đến các yếu tố của ý thức, tình cảm, tâm lý tộc người.[[14]](#footnote-14)

Ba tiêu chí này tạo nên sự ổn định trong mỗi tộc người trong quá trình phát triển. Đây cũng là căn cứ để xem xét và phân định các tộc người ở Việt Nam hiện nay.[[15]](#footnote-15)

**1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc**

**1.2.1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc**

*Xu hướng thứ nhất, Cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập*. Nguyên nhân là do sự chín muồi của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Thực tế này đã diễn ra ở những quốc gia, khu vực có nhiều cộng đồng dân cư với nguồn gốc tộc người khác nhau trong chủ nghĩa tư bản. Xu hướng này biểu hiện thành phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức,bóc lột của các nước thực dân, đế quốc và có tác động nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản. Trong xu hướng đó, nhiều cộng đồng dân cư đã ý thức được rằng, chỉ trong cộng đồng dân tộc độc lập họ mới có quyền quyết định con đường phát triển của dân tộc mình.

*Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau*. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa; do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã đã tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế mở rộng giữa các dân tộc, xóa bỏ sự biệt lập, khép kín, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Ngày nay , hai xu hướng khách quan này có những nhiểu hiện rất đa dạng, phong phú:

*Một là trong phạm vi một quốc gia*: Xu hướng thứ nhất thể hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc (tộc người) để đi tới sự tự do, bình đẳng và phồn vinh của dân tộc mình. Xu hướng thứ hai thể hiện ở sự xuất hiện những động lực thúc đẩy các dân tộc trong một cộng đồng xích lại gần nhau hơn, hòa hợp với nhau ở mức độ cao hơn trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.[[16]](#footnote-16)

*Hai là trong phạm vi quốc tế:* Xu hướng thứ nhất thể hiện trong phong trào giải phóng dân tộc nhằm chống lại chủ nghĩa đế quốc và chống chính sách thực dân đô hộ dưới mọi hình thức, phá bỏ mọi áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc. Độc lập dân tộc chính là mục tiêu chính trị chủ yếu của mọi quốc gia trong thời đại ngày nay. Độc lập tự chủ của mỗi dân tộc là xu hướng khách quan, là chân lý của thời đại, là sức mạnh hiện thực tạo nên quá trình phát triển của mỗi dân tộc. Xu hướng thứ hai thể hiện ở xu thế các dân tộc muốn xích lại gần nhau, hợp tác với nhau để hình thành liên minh dân tộc ở phạm vi khu vực toàn cầu. Xu hướng này tạo điều kiện để các dân tộc tận dụng tối đa những cơ hội, thuận lợi từ bên ngoài để phát triển phồn vinh dân tộc mình.[[17]](#footnote-17)

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc có sự thống nhất biện chứng với nhau trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia và của toàn nhân loại. Trong mọi trường hợp, hai xu hướng đó luôn có sự tác động qua lại với nhau, hỗ trợ cho nhau, mọi sự vi phạm mối quan hệ biện chứng này đều dẫn đến những hậu quả tiêu cực khó lường, Hiện nay hai xu hướng nêu trên diễn ra phức tạp trên phạm vi quốc tế và trong toàn quốc gia, thậm chí nó bị lợi dụng vào mục đích chính trị nhằm thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”.[[18]](#footnote-18) Chiến lược “diễn biến hòa bình” là chiến lược tổng hợp của chủ nghĩa đế quốc (CNĐQ) và các thế lực thù địch dùng biện pháp “phi vũ trang” là chủ yếu để chống phá, tiến tới lật đổ chế độ chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN). Thực ra, các biện pháp “diễn biến hòa bình” bằng chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, bóp nghẹt về kinh tế... làm suy yếu, tan rã đối phương nhằm mục tiêu “không đánh mà thắng”, đã được các nhà chính trị, quân sự nhiều nước thực hiện từ lâu. Nhưng đó thường là những biện pháp hỗ trợ, bổ sung cho các hành động tiến công quân sự.[[19]](#footnote-19)

**1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin**

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp; kết hợp phân tích hai xu hướng khách quan trong sự phát triển của dân tộc; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề về dân tộc những năm đầu thế kỷ XX, Cương lĩnh dân tộc của V.I. Lênin đã khái quát: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại”.[[20]](#footnote-20)

*Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:* Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc. Các dân tộc lớn hay nhỏ (kể cả bộ tộc và chủng tộc) không phân biệt trình độ phát triển cao hay thấp, đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trong các sinh hoạt kinh tế, chính trị, văn hoá-xã hội; không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và có quyền đi áp bức bóc lột dân tộc khác, thể hiện trong luật pháp mỗi nước và luật pháp quốc tế.

Trên phạm vi giữa các quốc gia dân tộc, đấu tranh cho sự bình đẳng giữa các dân tộc trong giai đoạn hiện nay gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc lớn, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi; gắn liền với cuộc đấu tranh xây dựng trật tự kinh tế thế giới mới; chống sự áp bức bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước chậm phát triển về kinh tế. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

*Hai là, các dân tộc được quyền tự quyết:* Các dân tộc được quyền tự quyết trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng thực chất là tự quyết về chính trị. Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị-xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình. Quyền tự quyết bao gồm quyền tự do độc lập về chính trị tách ra thành một quốc gia dân tộc độc lập vì lợi ích của các dân tộc và cũng bao gồm quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

V.I. Lênin khẳng định một trong những nguyên tắc của vấn đề dân tộc tự quyết là phải có quan điểm lịch sử-cụ thể khi nghiên cứu và giải quyết vấn đề dân tộc. Khi xem xét, giải quyết vấn đề dân tộc tự quyết của dân tộc cần đứng trên lập trường của giai cấp công nhân. Chỉ ủng hộ sự phân lập mang lại lợi ích cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc, ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng trong phạm vi ấy. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực đế quốc và phản động lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp sâu vào công việc nội bộ của các nước.

*Ba là, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.* Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.[[21]](#footnote-21)

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu, vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể[[22]](#footnote-22)

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng Cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.[[23]](#footnote-23)

**TÓM TẮT CHƯƠNG 1**

Thông qua chương 1, ta đã khái quát được các vấn đề cơ bản của dân tộc trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, hiểu được các khái niệm dân tộc được nhìn theo các gốc độ khác nhau, cùng với các đặc trưng cơ bản của dân tộc, giúp ta thấy được những đặc trưng trên có quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau, kết hợp với nhau một cách chặt chẽ trong lịch sử hình thành, phát triển cộng đồng dân tộc. Đồng thời trong chương này cũng nêu rõ được hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc cùng với cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin, ta thấy được “Cương lĩnh dân tộc” của chủ nghĩa Mác-Lênin là một bộ phận trong cương lĩnh CM của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, là cơ sở lý luận của đường lối, chính sach dân tộc của Đảng CS và Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa. Tóm lại, dân tộc và quan hệ dân tộc trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là một nội dung quan trọng trong toàn bộ nội dung của sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Xã hội mới từng bước tạo ra những tiền đề, điều kiện để xây dựng quan hệ hợp tác giữa các dân tộc. Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc gắn với sự phát triển của cả cộng đồng các dân tộc. Sự tăng cường tính thống nhất các dân tộc trở thành một quá trình hợp qui luật. Tuy nhiên, tính cộng đồng chung, tính thống nhất vẫn trên cơ sở giũ gìn và phát huy tinh hoa, bản sắc của từng dân tộc.

**Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO TÀY Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam : ( Bám theo nội dung trong sách )**

2.1.1. Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người

2.1.2. Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau

2.1.3. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng

2.1.4. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều

2.1.5. Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất

2.1.6. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá Việt Nam thống nhất

**2.2. Khái quát về đồng bào Tày**

**2.2.1. Nguồn gốc hình thành :**

Một là có mặt từ rất sớm :

- Người Tày có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, có thể từ nửa cuối thiên niên kỷ thứ nhất trước Công Nguyên.

Hai là có những tên gọi khác:

- Thổ, Ngạn, Phén, Thu Lao và Pa Dí.

**2.2.2. Nơi cư trú:**

Một là người Tày chủ yếu cư trú tại các tỉnh trung du và miền núi phía bắc

**2.2.3. Dân số**:

Một là dân số đứng thứ hai trong 54 dân tộc Việt Nam chỉ sau dân tộc Kinh

**2.2.4. Văn hóa đặc trưng của người Tày**

- Quan hệ xã hội : Theo chế độ quằng

- Cưới xin: Nam nữ tự do yêu đương. Sau khi cưới cô dâu ở nhà bố mẹ đẻ

- Sinh đẻ: Khi có mang phải kiêng cữ nhiều thứ

- Ma chay: thường được tổ chức linh đình với nhiều nghi lễ

- Xây nhà mới: Phải chọn đất, xem hướng, xem tuổi, chọn ngày

- Thờ cúng: chủ yếu thờ cúng tổ tiên

- Lễ tết: Hằng năm có nhiều ngày lễ khác nhau

- Lịch: theo âm lịch

- Học: Chữ nôm Tày xây dựng trên mẫu tượng hình ; Chữ Tày-Nùng dựa trên cơ sở chữ cái La-tinh

- Văn nghệ: Có nhiều làn điệu dân ca như lượn, phong slư, phuối pác, phuối rọi, vén eng…

- Chơi: ngày hội lồng tồng

**2.2.5. Đặc điểm sinh hoạt**

- Ăn:

- Mặc: làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm, hầu như không thêu thùa, trang trí

- Ở : sống ở các thung lũng, sống thành bản làng, ngôi nhà truyền thống là nhà sàn

- Phương tiện vận chuyển : dậu, túi vải, trâu, mảng

**2.2.6. Hoạt động sản suất**

- Là cư dân nông nghiệp

- Có tập quán đập lúa ở ngoài đồng trên những máng gỗ

- Chăn nuôi phát triển

- Nghề dệt thổ cẩm nổi tiếng

**2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng thiết yếu**

**2.3.1. Chính sách của Đảng và Nhà Nước về cơ sở hạ** tầng

- Về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, chính trị ,…

**2.3.2. Cơ sở hạ tầng**

**2.3.2.1. Khái niệm**

( Theo Triết học )

**2.3.2.2. Kết cấu cơ sở hạ tầng**

Một lả quan hệ sản xuất thống trị:

Hai là những quan hệ sản xuất là tàn dư của xã hội trước đó:

Ba là những quan hệ sản xuất là mầm mống của xã hội sau:

**2.3.3. Cơ sở hạ tầng thiết yếu**

**2.3.3.1. Khái niệm**

~~- Những điều kiện về mặt vật chất, kỹ thuật,...tồn tại trong xã hội và môi trường~~

Nhóm xem lại phần Thầy lưu ý ở trên. Trong phần phân loại, nhóm đã đề cập được cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu.

**2.3.3.2. Đặc điểm, tính chất**

- Hình thái vật chất và phi vật chất

**2.3.3.3. Phân loại**

Một là Cơ sở hạ tầng kinh tế : giao thông vận tải, cầu đường, thủy lợi, truyền tải điện…

Hai là Cơ sở hạ tầng xã hội: y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, các công trình công cộng.

Ba là Cơ sở hạ tầng môi trường: các công trình phòng chống thiên tai, công trình bảo vệ đất, rừng, biển, hệ thống xử lý chất thải công nghiệp…

**2.3.3.4. Vai trò và tầm quan trọng**

- Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nơi đồng bào dân tộc Tày đang sinh sống

**2.4. Thực trạng xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian qua**

**Lưu ý: trong phần đánh giá này, nhóm phải gắn với dân tộc Tày, trong quá trình trình bày, Thầy thấy nhóm đề cập chung chung chứ chưa đề cập đến xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian qua**

**2.4.1. Những mặt đạt được và nguyên nhân**

**2.4.1.1. Về mặt kinh tế (Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế chứ không phải về mặt kinh tế. Các nội dung ở phía sau cũng vậy, cần sửa lại)**

(1) Giao thông vận tải:. Hệ thống giao thông trên địa bàn nơi cư trú của dân tộc tày không ngừng được đầu tư, ví dụ ở 6 xã vùng cao Thuận Châu đường nội bản các xã đổ bê tông đạt 40 - 50%; trong nhiệm kỳ 2020-2025, phấn đấu đường từ xã đến bản được đổ bê tông đạt khoảng 60%.nâng cấp và mở mới.

(2) Năng lượng điện: nối điện đến những vùng sâu vùng xa ….

***Mặt thứ nhất đạt được bởi vì:*** Do chủ chương chính sách của Đảng và nhà nước, áp dụng các chương trình nông thôn mới, chính sách mới...

**2.4.1.2. Về xã hội ( Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển xã hội chứ không phải về mặt xã hội )**

(1) Y tế: nâng cao chất lượng y tế, ở Tây ninh xây dựng mới 48 trạm y tế xã vùng nông thôn đáp ứng nhu cầu của dân tộc.

(2) Giáo dục: Xây dựng nhiều trường học ở miền núi, vùng nông thôn tạo điều kiện cho dân tộc tày tiếp cận và đi học.Ước tính đến năm 2025: Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông viết thạo tiếng phổ thông trên 90%...

(3) Các công trình công cộng trung tâm văn hoá xã, công trình văn hoá ấp, những công trình mang tính văn hoá dân tộc thì bảo tồn, tu sửa giữ nét văn hóa cho dân tộc tày nói riêng dân tộc khác nói chung. sửa chữa nâng cấp công trình cấp nước sạch ...

***Mặt thứ hai đạt được bởi vì*** nhà nước xác định mục tiêu rõ ràng, cải thiện đời sống của các dân tộc thiểu số.

**2.4.1.3. Về môi trường (Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển môi trường chứ không phải về mặt môi trường )**

(1) Xây dựng mô hình điểm chằng néo mái nhà bằng lưới thép B40 đối với 73 hộ dân tại thôn Lố Thàng 2

(2) Xây dựng mô hình cảnh báo và phân vùng lũ quét cho tỉnh Phú Thọ… thích ứng với biến đổi khí hậu.

***Mặt thứ ba đạt được bởi vì:*** Nhà nước đưa ra Luật Phòng chống thiên tai sửa đổi và các văn bản hướng dẫn, Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ, Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn 2050, sự hợp tác ý thức của người dân, các chính quyền triển khai nhanh chóng...

**2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân ( sửa như phần những mặt đạt được )**

**2.4.2.1. Về mặt kinh tế**

(1) Giao thông vận tải: Hệ thống đường xá, cầu đường còn thấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân, một số địa phương vẫn còn thiếu hụt các tuyến đường giao thông đặt biệt ở các vùng cao việc đi lại vô cùng khó khăn. Có sự chênh lệch lớn về hạ tầng giao thông giữa các địa phương. Nhìn chung cơ sở hạ tầng giao thông còn hạn chế.

(2) Năng lượng điện: mạng lưới điện chưa phủ sóng hết địa bàn sinh sống của người dân, mức độ tiếp cận của người dân cũng gặp nhiều khó khăn. Nhiều đường dây, trạm biến áp bị đóng băng, phủ tuyết, mức an toàn điện chưa đáp ứng cao.

***Mặt thứ nhất hạn hạn chế bởi vì:*** Giao thông vận tải,phần lớn địa phương mà người Tày ở thì đều là những nơi có địa hình đồi núi cao, một số tuyến đường hẹp nhưng lưu lượng xe qua lại cao, chưa được quan tâm và đầu tư xây dựng triệt để và hiệu quả. Năng lượng điện: do tình trạng băng giá ở vùng núi phía bắc, địa hình đồi núi cản trở công tác lắp đặt, sửa chữa gặp nhiều khó khăn.

**2.4.2.2. Về xã hội**

(1) Y tế: Tuy có những tiến bộ trong việc chăm sóc sức khỏe cho người dân tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn đọng những khó khăn như :cơ sở hạ tầng còn yếu, nguồn nhân lực y bác sĩ còn thiếu. Một số bộ phận người dân chưa tiếp cận được đến thăm khám, chữa bệnh.

(2) Giáo dục: Trình độ dân trí không đồng đều, nhìn chung vẫn còn thấp.Tình trạng phổ cập giáo dục chưa đạt mức cao nhất. Nhiều học sinh có nguy cơ nghỉ học,bỏ học cao hoặc chưa được đi học đúng tuổi. Hệ thống cơ sở vật chất vẫn chưa đáp ứng đủ được nhu cầu dạy và học, chất lượng giảng dạy cần được nâng cao và còn thiếu giáo viên đặc biệt ở các vùng cao.

(3) Các công trình công cộng: Hiện nay, nhiều công trình cấp nước (CTCN) sinh hoạt, nhất là công trình nước tự chảy do sử dụng lâu năm; không có kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên hoặc mất nguồn cấp; đang rơi vào cảnh “đắp chiếu”. Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị các tỉnh miền núi phía Bắc tuy đã phát triển nhưng số lượng còn ít, quy mô còn nhỏ, tính chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao.

***Mặt thứ hai hạn chế bởi vì :*** Về giáo dục, việc huy động học sinh đến trường gặp nhiều khó khăn, do tham giao lao động sớm và các nạn tảo hôn vẫn còn diễn ra, ở một số vùng cao thì điều kiện học sinh được tiếp xúc với công nghệ thông tin khá hạn chế, đời sống giáo viên cũng gặp nhiều khó khăn. Về y tế, do người dân vẫn còn nghèo thậm chí không đáp ứng đủ việc sinh hoạt của gia đình thì việc khám chữa bệnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn hơn. Về các công trình công cộng, ở những nơi này điều kiện địa hình rất khó khăn, dân cư không tập trung, số lượng sử dụng ít và khi xây dựng các doanh nghiệp phải đầu tư vốn nhiều trong việc kéo ống đến từng hộ dân. Chưa chú trọng đầu tư vào cơ sở hạ tầng thương mại, chi phí lưu thông cao, giao thông trắc trở,kinh phí thực hiện hoạch định và tổ chức thực thi chính sách phát triển thương mại miền núi còn ít và chưa hiệu quả.

**2.4.2.3. Về môi trường**

(1) Phòng chống thiên tai: Hệ thống cơ sở hạ tầng trong khu vực còn hạn chế, nhiều công trình xuống cấp, thiếu gắn kết với công tác phòng chống thiên tai, chịu tác động rất lớn của mưa lũ, sạt lở, nhất là các công trình hồ chứa thủy điện, thủy lợi, các tuyến đường giao thông liên huyện, liên xã, hệ thống lưới điện và thông tin liên lạc.

***Mặt thứ ba hạn chế bởi vì:*** Còn nhiều điểm chưa hiệu quả và bất cập trong khâu quản lý và vận hành các hồ thủy lợi, thủy điện nhỏ làm gia tăng rủi ro khi có mưa lũ lớn. Ngoài ra, việc thiếu các trang thiết bị chuyên dùng cũng gây ra những khó khăn về dự báo, theo dõi thiên tai cũng như tiếp cận nhanh chóng địa điểm xảy ra thiên tai và phát hiện, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn người bị ảnh hưởng.

**~~2.4.2.4. Ảnh hưởng bởi COVID~~**

~~(1) Đời sống của phần lớn người dân vẫn còn khó khăn, nay còn gian nan hơn khi phải đối mặt với tình hình dịch bệnh covid phức tạp và khó lường,giá cả các mặt hàng nông,lâm sản giảm.~~

***~~Nguyên nhân:~~***  ~~Là do người dân chủ yếu sản xuất nông, lâm nghiệp mà khi các thị trường tiêu thụ lớn như TP.HCM, Hà Nội,.. tình hình dịch phức tạp dẫn đến việc tiêu thụ cũng giảm đi ảnh hưởng đến việc sản xuất của người dân.~~

**2.5. Giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian tới**

**2.5.1. Giải pháp tiếp tục phát huy nhựng mặt đạt được**

Giải pháp phát huy mặt thứ nhất đưa ra: Nhà nước tiếp tục thực thi những chính sách đã có như xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo ở những vùng dân tộc thiểu số,, các chính quyền địa phương triển khai hoạt động đến người dân,...

Giải pháp phát huy mặt thứ hai: Tuyên truyền, khuyến khích dân tộc tày dù có khó khăn vẫn cho con đi học, nâng cao giáo dục. Tuyên truyền người dân khi bị bệnh thì đến bệnh viện không tin vào bùa chú...tiếp tục các các chính sách hỗ trợ người tày khó khăn ở vùng sâu vùng xa.

Giải pháp phát huy mặt thứ ba: Tiếp tục cải thiện chính sách đề ra phòng chống thiên tai nhưng không khả thi, thực hiện các chính sách mới chuẩn bị đầy đủ trước khi đến mùa bão lũ.

**2.5.2. Giải pháp khác phục những hạn chế**

Giải pháp giải quyết hạn chế thứ nhất: Nhà nước cần quan tâm đầu tư hơn về các chính sách xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng giao thông cũng như mạng lưới cung cấp điện để đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Giải pháp giải quyết hạn chế thứ hai: Các cơ quan nhà nước thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh như học bổng, gạo, sách vỡ cũng như hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho học tập, sinh hoạt và đi lại; tăng cường thu hút tuyển dụng và bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, đổi mới phương pháp dạy học. Xây dựng thêm các bệnh viện, trạm y tế ở vùng sâu, nông thôn. Các địa phương cần tranh thủ các nguồn lực xã hội, sự tham gia của người dân bằng ngày công lao động hoặc các nhà tài trợ. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại miền núi.

Giải pháp giải quyết hạn chế thứ ba: Cần khắc phục trong các khâu quản lý và vận hành trong công tác phòng chống thiên tai, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất.

Giải pháp giải quyết ảnh hưởng của covid: các địa phương, cơ quan chuyên trách cần tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, chỉ đạo xây dựng các phương án,duy trì sản xuất nhằm cung cấp nguồn cung ứng. Giữ vững “ vùng xanh” để sản xuất và tiêu thụ nông sản.

**Tóm tắt chương 2**

**III. KẾT LUẬN**

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1;2)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật. Truy cập từ https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii

# *Ebook Hỏi đáp về 54 dân tộc Việt Nam: Phần 1*. Truy cập từ https://tailieuxanh.com/vn/dlID1890601\_ebook-hoi-dap-ve-54-dan-toc-viet-nam-phan-1.html; Ebook Hỏi đáp về 54 dân tộc Việt Nam: Phần 2. Truy cập từ https://tailieuxanh.com/vn/dlID1890602\_ebook-hoi-dap-ve-54-dan-toc-viet-nam-phan-2.html

# Lê Ngọc Thắng. *Ebook Một số vấn đề về dân tộc và phát triển*. Truy cập từ https://tailieuxanh.com/vn/tlID1387937\_ebook-mot-so-van-de-ve-dan-toc-va-phat-trien-pgsts-le-ngoc-thang.html

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. (2008). *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học.* Hà Nội:NXB Chính trị quốc gia.
2. Nguyễn Thị Thu Thanh. (03/4/2021). *Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới*. Truy cập từhttps://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van\_hoa\_xa\_hoi/-/2018/821701/chinh-sach-dan-toc-cua-viet-nam-qua-35-nam-doi-moi.aspx

# ……………………….

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.196. [↑](#footnote-ref-1)
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.196. [↑](#footnote-ref-2)
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.196. [↑](#footnote-ref-3)
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.199,200. [↑](#footnote-ref-4)
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.197. [↑](#footnote-ref-5)
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.197. [↑](#footnote-ref-6)
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.197,198. [↑](#footnote-ref-7)
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.198. [↑](#footnote-ref-8)
9. Spielberger, Charles. (2004). *Encyclopedia of Applied Psychology*. New York: Academic Press. tr. 615. [↑](#footnote-ref-9)
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.199. [↑](#footnote-ref-10)
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.199. [↑](#footnote-ref-11)
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.200. [↑](#footnote-ref-12)
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.200. [↑](#footnote-ref-13)
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.200,201. [↑](#footnote-ref-14)
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.201. [↑](#footnote-ref-15)
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.202. [↑](#footnote-ref-16)
17. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.202,203. [↑](#footnote-ref-17)
18. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.203. [↑](#footnote-ref-18)
19. Báo Quân đội nhân dân. (10/04/2018). *Chiến lược "Diễn biến hòa bình" là gì?.* Truy cập từ https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/chien-luoc-dien-bien-hoa-binh-la-gi-535937 [↑](#footnote-ref-19)
20. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.203,204. [↑](#footnote-ref-20)
21. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.205. [↑](#footnote-ref-21)
22. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.205. [↑](#footnote-ref-22)
23. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.205. [↑](#footnote-ref-23)